

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/KDTM-PT

Ngày 13-3-2023

V/v tranh chấp hợp đồng thuê
nhà xưởng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Cường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Lực;

Ông Huỳnh Văn Luật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 22/2022/TLPT-KDTM ngày 24/10/2022 về việc “tranh chấp hợp đồng thuê nhà xưởng”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại số 09/2022/KDTM-ST ngày 06-6-2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2022/QĐ-PT ngày 01/12/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh, thương mại số 01/TB-TA ngày 27/02/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Gổ T; địa chỉ: thửa đất số 60, tờ bản đồ số 42, khu phố 3, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Q, sinh năm 1996 và bà Dương Cẩm T, sinh năm 1997; địa chỉ: số 112, đường N, khu phố 6, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo Giấy ủy quyền ngày 01/11/2022 và Giấy ủy quyền ngày 13/3/2023); có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Mút xộp H; địa chỉ: thửa đất số 620, 1018, tờ bản đồ số 42, khu phố 3, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vương Đức T, sinh năm 1986; địa chỉ: số 18/2, đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 24/5/2021); có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Công ty TNHH Gổ T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2020, các lời khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH Gỗ T (gọi tắt là Công ty T) và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 24/5/2019, Công ty T với Công ty TNHH Mút xộp H (gọi tắt là Công ty H) ký kết Hợp đồng cho thuê nhà xưởng số 09/2019/HĐTX để cho thuê nhà xưởng với diện tích 3.200m² tại thửa đất số 620, tờ bản đồ số 42, ấp 3, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Thời hạn hợp đồng là 05 năm, bắt đầu từ ngày 20/5/2019 đến hết ngày 20/5/2024 với giá thuê hàng tháng là 150.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế VAT). Theo quy định tại Điều 3.2 và điểm b Điều 5.2 của Hợp đồng cho thuê nhà xưởng thì Công ty H có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê hàng tháng cho Công ty T trong thời gian từ ngày 01 đến ngày 10 mỗi tháng, nếu chậm thanh toán sẽ chịu phạt 0,7%/ngày của giá trị thanh toán thiếu.

Tuy nhiên, trong quá trình thuê Công ty H đã vi phạm hợp đồng, cụ thể:

Hóa đơn số 000120 thời điểm gửi hóa đơn là ngày 30/5/2020, thời điểm Công ty Hoa Hưng thanh toán là ngày 22/6/2020, số ngày chậm thanh toán là 12 ngày.

Hóa đơn số 000126 thời điểm gửi hóa đơn là ngày 30/6/2020, thời điểm Công ty Hoa Hưng thanh toán là ngày 17/7/2020, số ngày chậm thanh toán là 07 ngày.

Hóa đơn số 000130 thời điểm gửi hóa đơn là ngày 30/7/2020, thời điểm Công ty Hoa Hưng thanh toán là ngày 17/8/2020, số ngày chậm thanh toán là 07 ngày.

Xuất phát từ hành vi vi phạm hợp đồng nhiều lần của Công ty H, theo quy định tại Điều 2.3 và Điều 4.2 của Hợp đồng cho thuê, ngày 15/7/2020 Công ty T đã gửi thông báo về việc chấm dứt hợp đồng cho Công ty H. Tuy nhiên, Công ty Hoa Hưng không đồng ý. Do đó, Công ty T khởi kiện Công ty H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Yêu cầu tuyên chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng cho thuê nhà xưởng số 09/2019/HĐTX ngày 24/5/2019.

Yêu cầu Công ty TNHH Mút xộp H trả số tiền lãi chậm trả của tiền thuê nhà xưởng tháng 7 và tháng 8 năm 2020 là 13.856.189 đồng; trong đó tháng 7 là 6.928.094 đồng và tháng 8 là 6.928.094 đồng.

Yêu cầu Công ty TNHH Mút xộp H trả chi phí thuê Luật sư khởi kiện tại Tòa án là 34.100.000 đồng.

Đến ngày 12/4/2022, Công ty T có đơn đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Yêu cầu tuyên bố chấm hiệu lực của Hợp đồng cho thuê nhà xưởng số 09/2019/HĐTX ngày 24/5/2019.

Buộc Công ty TNHH Mút xộp H thanh toán số tiền lãi chậm trả của tiền thuê nhà xưởng tháng 7 và tháng 8 năm 2020 là 13.856.189 đồng.

Buộc Công ty TNHH Mút xộp H bồi thường nhà xưởng bị hư hỏng số tiền 113.850.000 đồng.

Buộc Công ty TNHH Mút xộp H trả chi phí thuê Luật sư khởi kiện tại Tòa án số tiền 34.100.000 đồng.

** Tại Đơn phản tố ngày 10/12/2021, các lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH Mút xộp H (gọi tắt là Công ty H) và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc ký kết Hợp đồng cho*

thuê nhà xưởng số 09/2019/HĐTX ngày 24/5/2019 giữa Công ty T với Công ty Hoa Hưng.

Về số tiền lãi chậm trả của tiền thuê tháng 7 và tháng 8 là 13.856.189 đồng, Công ty H không đồng ý.

Về yêu cầu bồi thường nhà xưởng bị hư hỏng số tiền 113.850.000 đồng, Công ty H không đồng ý.

Về yêu cầu trả chi phí thuê luật sư khởi kiện tại Tòa án là 34.100.000 đồng Công ty TNHH Mút xộp H không đồng ý.

Về yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê nhà xưởng số 09/2019/HĐTX ngày 24/5/2019, Công ty Hoa Hưng đồng ý và Công ty H đã bàn giao nhà xưởng cho Công ty T vào ngày 15/12/2021.

Đồng thời, Công ty H có đơn phản tố yêu cầu Công ty T phải hoàn trả số tiền cọc 900.000.000 đồng, sau khi trừ tiền thuê nhà xưởng tháng 11 năm 2021 và tiền thuê xưởng đến ngày 15/12/2021 là 247.500.000 đồng, Công ty T còn phải thanh toán cho Công ty H số tiền 652.500.000 đồng.

Tại Bản án số 09/2022/KDTM-ST ngày 06-6-2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã căn cứ Điều 30, Điều 40, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 472, Điều 476, Điều 479, Điều 481 và Điều 482 của Bộ luật Dân sự; Điều 319 của Luật Thương mại và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chấm dứt Hợp đồng cho thuê nhà xưởng số 01/2019/HĐTX ngày 24/5/2019 giữa Công ty TNHH Gỗ T và Công ty TNHH Mút xộp H.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Gỗ T về việc:

Yêu cầu Công ty TNHH Mút xộp H thanh toán số tiền 13.856.189 đồng tiền lãi chậm thanh toán tiền thuê của tháng 7/2020 và tháng 8/2020.

Yêu cầu Công ty TNHH Mút xộp H thanh toán số tiền 34.100.000 đồng chi phí yêu cầu Luật sư tham gia quá trình khởi kiện tại Tòa án.

Yêu cầu Công ty TNHH Mút xộp H thanh toán số tiền 113.850.000 đồng bồi thường thiệt hại do hư hỏng nhà xưởng.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH Mút xộp H.

Buộc Công ty TNHH gỗ T hoàn trả cho Công ty TNHH Mút xộp H số tiền 652.500.000 đồng tiền đặt cọc theo Hợp đồng cho thuê nhà xưởng số 01/2019/HĐTX ngày 24/5/2019, sau khi đã khấu trừ số tiền 247.500.000 đồng là tiền thuê nhà xưởng tháng 11 năm 2021 và từ ngày 01/12 đến ngày 15/12/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, quyền kháng cáo và việc thi hành bản án khi phát sinh hiệu lực.

Trong các ngày 21/6/2022 và 03/11/2022, nguyên đơn Công ty TNHH Gỗ T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 13/3/2023, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu phản tố của mình. Hai bên đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy: Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về kiến nghị khắc phục thiếu sót: không.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến trình bày của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về hướng giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc “tranh chấp hợp đồng thuê nhà xưởng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH Gỗ T được thực hiện trong thời hạn luật định và người kháng cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

[3] Xét thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm, nhận thấy: Trong các ngày 31/5 và ngày 06/6/2022, Tòa án nhân dân thị xã T đưa vụ án ra xét xử và ban hành Bản án số 09/2022/KDTM-ST ngày 06-6-2022. Do Bản án số 09/2022/KDTM-ST ngày 06-6-2022 của Tòa án nhân dân thị xã T ghi sai số và ngày tháng thụ lý vụ án; đồng thời, nội dung nhận định và quyết định có sai sót về số hiệu hợp đồng, đây là sai sót về số liệu do nhầm lẫn và tính toán sai. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã T đã ban hành Thông báo số 02/2022/QĐ-SCBSQĐ ngày 20/6/2022 và Thông báo số 03/2022/QĐ-SCBSBA ngày 14/6/2022 để sửa chữa, bổ sung bản án là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn đều thống nhất tự nguyện thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng thuê nhà xưởng số 09/2019/HĐTX ngày 24/5/2019 giữa Công ty TNHH T (gọi tắt là nguyên đơn hoặc Công ty T) với Công ty TNHH H (gọi tắt là bị đơn hoặc Công ty H) nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là hoàn toàn phù hợp.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi chậm trả tiền thuê xưởng tháng 7 và tháng 8 năm 2020 mỗi tháng là 07 ngày với tổng số tiền 13.856.189 đồng, nhận thấy: theo điểm 3.2 và điểm 3.3 Điều 3 của hợp đồng quy định *“Tiền thuê nhà xưởng sẽ được thanh toán 01 tháng một lần vào ngày 01 - 10 tây mỗi tháng. Nếu bên B chậm thanh toán sẽ chịu phạt 0.7%/ngày của giá trị thanh toán thiếu”* và phương thức thanh toán là *“Bên B thanh toán 100% bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trong vòng 05 ngày cho bên A sau khi bên B nhận hoá đơn tài chính”*. Theo Bảng kê thông tin tài khoản của Công ty T cho tiền thuê của H liệt kê chi tiết giao dịch tại tài khoản số 220080689000014 tại Ngân hàng Eximbank, Phòng giao dịch 41 Hậu Giang, Phường 2, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian từ ngày 21/5/2020 đến ngày 12/12/2020, thể hiện: Ngày 17/7/2020 lúc 10 giờ 51 phút 39 giây phát sinh có 164.954.025 đồng Công ty H thanh toán tiền thuê xưởng HD ngày 30/6/2020 số 0000128. Ngày 17/8/2020 lúc 10 giờ 29 phút 34 giây phát sinh có 164.954.025 đồng Công ty H thanh toán tiền thuê xưởng HD 0000130 (bút lục 46). Do đó, có căn cứ xác định bị đơn thanh toán tiền thuê cho nguyên đơn là chậm so với hợp đồng đã ký nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm trả tiền thuê nhà xưởng của tháng 7 năm 2020 là 07 ngày với số tiền 6.928.094 đồng và của tháng 8 năm 2020 là 07 ngày với số tiền 6.928.094 đồng; tổng cộng là 13.856.189 đồng là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là không phù hợp.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bồi thường thiệt hại do nhà xưởng bị hư hỏng số tiền 113.850.000 đồng, nhận thấy: khi ký kết Hợp đồng thuê nhà xưởng số 09/2019/HĐTX ngày 24/5/2019 thì giữa Công ty T với Công ty H không lập biên bản bàn giao nhà xưởng để ghi nhận hiện trạng nhà xưởng khi bàn giao. Tại Biên bản làm việc ngày 15/12/2021 của Tòa án và Biên bản bàn giao nhà xưởng ngày 15/12/2021 giữa Công ty T với Công ty H chỉ thể hiện *“ghi nhận sơ bộ và bằng mắt thường”* thì nhà xưởng có phần tole bị rách, nền bong tróc, tường rào bị sụp v.v...nhưng các biên bản trên không thể hiện rõ các hư hỏng nêu trên là do nguyên nhân ban đầu để lại hay do lỗi của bị đơn gây ra (bút lục 130-131). Theo quy định tại điểm c khoản 4.2 Điều 4 và điểm c khoản 5.2 Điều 5 của hợp đồng thì bên A (bên cho thuê) có nghĩa vụ *“bảo trì, sửa chữa nhà xưởng, kho bãi theo định kỳ hoặc theo thỏa thuận”*; bên B (bên thuê) có nghĩa vụ *“sửa chữa hư hỏng của nhà xưởng do lỗi của mình gây ra”*. Theo quy định tại khoản 1 Điều 482 của Bộ luật dân sự quy định *“Bên thuê phải trả lại tài sản thuê trong tình trạng như khi nhận, trừ hao mòn tự nhiên hoặc theo đúng như tình trạng đã thỏa thuận; nếu giá trị của tài sản thuê bị giảm sút so với tình trạng khi nhận thì bên cho thuê có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, trừ hao mòn tự nhiên”*. Do không có cơ sở xác định các hư hỏng nêu trên là lỗi của bị đơn Công ty H gây ra nên việc nguyên đơn Công ty T khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do nhà xưởng bị hư hỏng với số tiền 113.850.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu trả tiền chi phí thuê Luật sư khởi kiện tại Tòa án số tiền 34.100.000 đồng, nhận thấy: Theo Điều 301 của Luật Thương mại năm 2005 quy định *“Bồi thường thiệt hại là việc mà bên gây ra thiệt hại, vi phạm nghĩa vụ phải thực hiện trong hợp đồng phải bồi thường những tổn thất, thiệt hại cho bên bị vi phạm”*; theo khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *“Chi phí cho luật sư là khoản tiền phải trả cho luật sư theo thỏa thuận của đương sự với luật sư trong phạm vi quy định của tổ chức hành nghề luật sư và theo quy định của pháp luật”*. Theo như

đã nêu tại mục [6] thì không có căn cứ xác định bị đơn đã có hành vi làm hư hỏng nhà xưởng và gây ra thiệt hại cho nguyên đơn nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền phí thuê luật sư là không có cơ sở để chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[9] Từ những phân tích và lập luận nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo như nhận định tại mục [5] và án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về hướng giải quyết vụ án là có phần phù hợp.

[10] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH Gổ T. Sửa một phần Bản án số 09/2022/KDTM-ST ngày 06-6-2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương như sau:

Căn cứ các Điều 472, 476, 479, 481 và 482 của Bộ luật Dân sự; Điều 301, 319 của Luật Thương mại năm 2005.

1.1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chấm dứt Hợp đồng thuê nhà xưởng số 09/2019/HĐTX ngày 24/5/2019 giữa Công ty TNHH Gổ T với Công ty TNHH Mút xộp H.

1.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Gổ T về việc buộc bị đơn Công ty TNHH Mút xộp H thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tiền thuê nhà xưởng của tháng 7 và tháng 8 năm 2020 với tổng số tiền 13.856.189 đồng.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Gổ T về việc buộc bị đơn Công ty TNHH Mút xộp H phải thanh toán 113.850.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại do hư hỏng nhà xưởng và 34.100.000 đồng tiền chi phí luật sư. Tổng cộng là 147.950.000 đồng.

1.4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH Mút xộp H về việc buộc nguyên đơn Công ty TNHH Gổ T phải hoàn trả lại 652.500.000 đồng là số tiền đặt cọc còn lại theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 09/2019/HĐTX ngày 24/5/2019, sau khi đã khấu trừ 247.500.000 đồng tiền thuê nhà xưởng của tháng 11 năm 2021 và tiền thuê nhà xưởng từ ngày 01/12 đến ngày 15/12/2021.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.5. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Gổ T phải chịu số tiền 36.013.500 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.846.250 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0052326 ngày 06/4/2021 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0005865 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên. Công ty TNHH Gổ T còn phải nộp số tiền 30.167.250 đồng.

Công ty TNHH Mút xốp H phải chịu số tiền 3.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.050.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0005630 ngày 13/12/2021. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T hoàn trả lại cho Công ty TNHH Mút xốp H số tiền 12.050.000 đồng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty TNHH Gổ Thuận T không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Công ty TNHH Gổ T số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006145 ngày 18/8/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND Tx. T;
- Chi cục THADS Tx. T;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Tòa KT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đắc Cường